
**Giải giải sự Trình hiện của
Đối tượng và Đối Tượng-Tâm Sở hữu
cũng như
Giác tri và Liễu tri**

**Explanation of the Presentation of
Objects and Object-Possessors
as well as
Awarenesses and Knowers**

Tác giả: Pur-bu-jok
(Phur-bu-lcog Byams-pa-rgya-mtsho)

Dịch sang Anh ngữ
Elizabeth Napper

Dịch sang Việt ngữ từ bản Anh ngữ
Thinley Norzom

Hiệu đính
Lama Nawang Kunphel
Ni sư Thích Huệ Phước

Joan Nicell hiệu đính sơ qua để sử dụng cho Chương Trình Căn Bản FPMT
Olga Planken hiệu đính sơ qua, Phòng Giáo Dục FPMT, Tháng 4/ 2008

© Elizabeth Napper

Bản quyền đã được bảo hộ
All rights reserved

Không được sao chép bất kỳ phần nào của quyển sách này dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện, điện tử hay cơ học, bao gồm cả sao chụp, ghi lại hay lưu giữ và hệ thống hóa lại hoặc các kỹ thuật phục hồi thông tin hiện nay hay sau này, mà không có sự cho phép bằng văn bản của Elizabeth Napper.

Chương Trình Căn Bản FPMT được sự cho phép sao chép của Elizabeth Napper để sử dụng.

Nội dung

Danh mục các định nghĩa.	5
Dẫn nhập.	7
Phần Một: Đối tượng.	8
Phần Hai: Đối Tượng-Tâm Sở hữu.	9
I. Cá thể.	9
II. Giác tri (Tánh biết).	9
1. Lượng (Tâm tri nhận xác thực).	9
(A) HIỆN TIỀN (<i>Tâm nhận biết trực tiếp</i>).	10
(1) Căn hiện tiền.	10
(2) Ý hiện tiền.	11
(3) Tự chứng hiện tiền.	12
(4) Du già hiện tiền.	12
(B) HIỆN LƯỢNG (<i>Tâm tri nhận xác thực trực tiếp</i>).	13
(1) Tự chứng hiện lượng.	13
(2) Căn hiện lượng.	13
(3) Ý hiện lượng.	14
(4) Du già hiện lượng.	14
(C) TỰ HIỆN TIỀN (<i>bản sao của một hiện tiền</i>).	14
(1-6) Tự hiện tiền phân biệt (<i>các bản sao phân biệt của hiện tiền</i>)	15
(7) Tự hiện tiền vô phân biệt (<i>các bản sao vô phân biệt của hiện tiền</i>).	15
(D) TỶ LƯỢNG.	16
(E) CÁC PHÂN LOẠI THEO THUẬT NGỮ CỦA LƯỢNG.	16
(1) Tự luận đoán và luận đoán dựa vào chánh lý.	16
(2) Về mặt phụ thuộc, các tâm chấp trì vào một lý lẽ.	17
(F) TỰ QUYẾT ĐỊNH LƯỢNG (<i>Tri nhận xác thực do chính mình khẳng định</i>) VÀ THA QUYẾT ĐỊNH LƯỢNG (<i>Tri nhận xác thực khi người khác khẳng định</i>).	19
(G) LƯỢNG MÀ ĐÓ LÀ CÁ THỂ, LỜI NÓI VÀ TÂM THỨC.	21
(H) LIỆT KÊ XÁC ĐỊNH CÁC LƯỢNG.	21
2. Tri thức phi lượng (Tri nhận không xác thực).	22
(A) TÁI QUYẾT TRI (<i>Tri nhận tiếp theo sau</i>).	22
(1) Hiện tiền tái quyết tri (<i>Tri nhận tiếp theo sau một hiện tiền</i>).	23
(2) Phân biệt tái quyết tri (<i>Tri nhận phân biệt tiếp theo sau</i>).	23
(B) TỨ SÁT TRI (<i>Tâm thức cho là đúng</i>).	23
(C) HIỆN NHI BẤT ĐỊNH (<i>Giác tri đối với đối tượng xuất hiện không định rõ</i>).	24
(D) TÂM NGHI.	25
(E) ĐIÊN ĐẢO TRI (<i>Tâm thức hiểu sai</i>).	25
3. Phân loại làm ba của Giác tri và Liễu tri.	26
(A) Tâm phân biệt lấy nghĩa tổng (ảnh tượng rõ ràng) làm đối tượng chấp trì của nó.	26

(B) Tâm vô phân biệt, vô sai loạn lấy hiện tượng có đặc tính riêng biệt làm đối tượng chấp trì của nó.	28
(C) Tâm vô phân biệt, sai loạn lấy sự trình hiện rõ ràng của một cái không tồn hữu làm đối tượng chấp trì của nó.	29
4. Phân loại làm hai của Giác tri.	30
5. Phân loại làm hai khác của Giác tri và Liễu tri.	30
(A) TÂM (<i>Tâm vương</i>).	30
(B) TÂM SỞ (<i>Các yếu tố tùy hành tâm vương</i>).	31
(1) Ngũ biến hành (<i>Năm tâm sở trùm khắp</i>).	32
(2) Ngũ biệt cảnh (<i>Năm tâm sở khắng định đối tượng</i>).	34
(3) Mười một tâm thiện.	34
(4) Sáu phiền não căn bản.	35
(5) Hai mươi tùy phiền não (<i>Hai mươi tâm sở phiền não phụ</i>).	35
(6) Bốn tâm sở bất định.	36
6. Về mặt phụ thuộc, cách thừa nhận các tông luận.	36
III. Âm thanh nói ra/điển đạt.	37
(1) Danh.	38
(2) Cú.	39
(3) Tự.	39

Danh mục các Định nghĩa

Actual name of a certain object: <i>Thực danh của một đối tượng nào đó.</i>	38
Awareness: <i>Giác tri/Nhận thức.</i>	9
Awareness to which an object appears without being ascertained: <i>Nhận thức đối với đối tượng xuất hiện không định rõ/Hiển nhi bất định.</i>	24
Awareness which is a direct perceiver: <i>Tâm nhận biết trực tiếp/Hiện tiền.</i>	10
Conceptual consciousness: <i>Tâm thức dựa trên khái niệm/Tâm thức phân biệt.</i>	27
Consciousness: <i>Tâm Thức.</i>	9
Correctly assuming consciousness: <i>Tâm thức cho là đúng/Tứ sát tri.</i>	23
Designated name of a certain object: <i>Giả danh của một đối tượng nào đó.</i>	38
Direct valid cognizer: <i>Tâm tri nhận xác thực trực tiếp/Hiện Lượng.</i>	13
Doubting consciousness: <i>Tâm nghi.</i>	25
Expressive sound: <i>Âm thanh nói ra/diễn đạt.</i>	37
Facsimile of a direct perceiver: <i>Sao chép của tâm nhận biết trực tiếp/Tự hiện tiền.</i>	14
Factually concordant conceptual consciousness: <i>Tâm thức phân biệt thích hợp như thật.</i>	28
Factually discordant conceptual consciousness: <i>Tâm thức phân biệt không thích hợp như thật.</i>	28
Feeling: <i>Cảm thọ.</i>	32
Free from conceptuality: <i>Ly phân biệt.</i>	22
Incontrovertible consciousness: <i>Tâm thức không nhầm lẫn.</i>	10
Inferential valid cognizer: <i>Tâm tri nhận xác thực bằng luận đoán/ Tỷ lượng.</i>	16
Letter: <i>Tự.</i>	39
Main mind: <i>Tâm vương.</i>	30
Mental consciousness which is a non-conceptual mistaken consciousness: <i>Ý tri mà đó là tâm vô phân biệt, sai loạn.</i>	29
Mental direct perceiver: <i>Ý hiện tiền.</i>	11
Mental direct valid cognizer: <i>Ý hiện lượng.</i>	14
Mental factor: <i>Tâm sở.</i>	31
Mind apprehending a sign: <i>Tâm chấp trì một lý lẽ/lý do.</i>	17
Name: <i>Danh.</i>	38
Non-conceptual mistaken consciousness: <i>Tâm vô phân biệt sai loạn.</i>	29
Non-conceptual non-mistaken consciousness: <i>Tâm vô phân biệt vô sai loạn.</i>	29
Non-valid consciousness: <i>Tri thức Phi lượng.</i>	22
Object: <i>Đối tượng.</i>	8
Object-possessor: <i>Đối tượng- Tâm sở hữu.</i>	9
Person: <i>Cá thể.</i>	9
Phrase: <i>Cú.</i>	39
Self-knower: <i>Tự chứng.</i>	12
Self-knowing direct perceiver: <i>Tự chứng hiện tiền.</i>	12
Self-knowing direct valid cognizer: <i>Tự chứng hiện lượng.</i>	13

Sense consciousness which is a non-conceptual mistaken consciousness: <i>Căn tri mà đó là tâm thức vô phân biệt sai loạn.</i>	29
Sense direct perceiver: <i>Tâm nhận biết trực tiếp qua giác quan/Căn hiện tiền.</i>	10
Sense direct perceiver apprehending a form: <i>Căn hiện tiền chấp trì vào sắc/ Chấp sắc căn hiện tiền.</i> ..	13
Sense direct valid cognizer: <i>Tâm tri nhận xác thực qua giác quan/ Căn hiện lượng.</i>	13
Subsequent cognizer: <i>Tâm tri nhận tiếp theo sau/ Tài quyết tri.</i>	22
Valid cognizer: <i>Tâm tri nhận xác thực/ Lượng.</i>	9
Valid cognizer that induces ascertainment by itself: <i>Tâm tri nhận xác thực tự kết luận chắc chắn/Tự quyết định Lượng.</i>	19
Valid cognizer when ascertainment is induced by another: <i>Tâm tri nhận xác thực khi người khác kết luận chắc chắn/ Tha quyết định Lượng..</i>	19
Wrong consciousness: <i>Điên đảo tri.</i>	25
Yogic direct perceiver: <i>Du già Hiện tiền.</i>	12
Yogic direct valid cognizer: <i>Du già Hiện lượng.</i>	14

Dẫn nhập

Con cúi đầu kính lễ Thượng sư và đức bảo hộ Văn Thù Sư Lợi.

Đây là giảng giải về sự trình hiện của các đối tượng và đối tượng-tâm sở hữu cũng như giác tri và liễu tri [lấy từ các tập luận] “Đại Lý Đạo” [phần] *Chìa khóa Thần Kỳ đi đến Lý Đạo, Trình bày các Chủ Đề Tập Trung Truyền Đạt Ý Nghĩa của Các Luận Thuyết về Lượng*¹.

¹Ghi chú của Ban biên tập: Tất cả trường hợp của từ “prime” (Tiếng Tạng. *tshad ma*) có trong bản dịch của E. Napper đã được đổi thành “valid.”

Phần một: Đối tượng

Trong hệ thống luận của chúng tôi, về phần đầu tiên trong hai Phần, đối tượng và đối tượng-tâm sở hữu, thì định nghĩa của **đối tượng** là:

cái được nhận biết bởi một giác tri.

Khi phân chia các đối tượng thì có:

- (1) đối tượng trình hiện,
- (2) đối tượng được khẳng định, và
- (3) đối tượng gắn kết.

Đối tượng trình hiện của một giác tri đặc thù và đối tượng được chấp tri (*nắm giữ*) của giác tri đó là đồng nghĩa với nhau.

Bất kỳ cái gì là một cơ sở được thành lập đều nhất thiết là đối tượng trình hiện. Là vì bất cứ cái gì là một sự vật hiện tượng đều nhất thiết là đối tượng trình hiện của một hiện tiền (*tâm nhận biết trực tiếp*), và bất cứ cái gì là thường hằng đều nhất thiết là đối tượng trình hiện của một tâm thức phân biệt.

Lý do đầu tiên được thành lập bởi vì đối tượng trình hiện của hiện tiền, đối tượng được chấp tri [của một tâm hiện tiền], và sự vật hiện tượng là đồng nghĩa với nhau. Hơn nữa, do là bất cứ cái gì là sự vật hiện tượng thì đều phải là đối tượng trình hiện của một hiện tiền vì tất cả cái gì là sự vật hiện tượng cũng đều phải là cái được chứng một cách hiển nhiên bởi một hiện tiền.

Lý do cơ bản thứ hai [nghĩa là bất cứ cái gì là thường hằng đều nhất thiết là đối tượng trình hiện của một tâm thức phân biệt] được thành lập bởi vì đối tượng trình hiện của một tâm thức phân biệt, đối tượng được chấp tri [của tâm thức phân biệt], và các hiện tượng thường hằng là đồng nghĩa với nhau.

Ngoài ra đối tượng gắn kết của hiện tiền, và đối tượng theo cách thức chấp tri của một hiện tiền là đồng nghĩa với nhau. Đối tượng được khẳng định của ý nghĩ, đối tượng gắn kết [của ý nghĩ], và đối tượng theo cách chấp tri của ý nghĩ đều đồng nghĩa với nhau.

Bất cứ cái gì là một cơ sở được thành lập đều nhất thiết là đối tượng theo cách chấp tri của cả tâm thức phân biệt và tâm thức vô phân biệt.

Bất cứ cái gì là đối tượng theo cách chấp tri của ý thức nắm giữ nó thì không nhất thiết là đối tượng theo cách nắm giữ của ý nghĩ.

Là vì sùng thờ không phải là đối tượng theo cách nắm giữ của ý nghĩ.

Do là vì [sùng thờ] không phải là đối tượng của ý nghĩ.

Là vì [sùng thờ] không phải là đối tượng của giác tri, do [sùng thờ] không phải là cái thích hợp để là đối tượng của giác tri.

Do đó chủ thể [sùng thờ] là đối tượng của cách chấp tri của ý thức nắm giữ nó vì là vô ngã.

Phần hai: Đối tượng-Tâm sở hữu

Về phần thứ hai, đối tượng-tâm sở hữu, có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại

Định nghĩa

Trước hết, định nghĩa của cái gì sở hữu là một **đối tượng-tâm sở hữu** là:
một sự vật hiện tượng sở hữu đối tượng riêng của nó.

Phân loại

Kể đến, khi phân chia đối tượng-tâm sở hữu thì có ba loại:

- (1) cá thể,
- (2) giác tri, và
- (3) âm thanh nói ra.

I. Cá thể

Về cá thể, thì định nghĩa của cái gì sở hữu là một **cá thể** là:

một chúng sinh được cho là dựa vào bất kỳ năm uẩn của nó.

Ngã, tôi, cá thể, và chúng sinh là đồng nghĩa với nhau.

Ví dụ minh họa một chúng sinh sở hữu một cơ sở của một trong ba cõi.

II. Giác tri

Về loại thứ hai, giác tri, có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Trước hết, định nghĩa của một **giác tri** là:

liễu tri (tâm rõ biết).

Định nghĩa của một **tâm thức** là:

minh và liễu tri (trong sáng và rõ biết).

Giác tri (*blo*), liễu tri (*rig pa*), và tâm thức (*shes pa*) là đồng nghĩa với nhau.

Phân loại

Kể đến, khi phân chia giác tri, thì có 2 loại:

- (1) lượng
- (2) tri thức phi lượng

1. Lượng [*tâm tri nhận xác thực*]

Trong hệ thống luận của chúng tôi, thì định nghĩa của **lượng** là:

liễu tri mới mẻ không nhầm lẫn (*tâm rõ biết mới mẻ và không nhầm lẫn*).

Nhất thiết phải biểu hiện ba điều này – “mới mẻ”, “không nhầm lẫn”, và “liễu tri” – là các phần của định nghĩa của lượng, bởi vì “mới” bác bỏ tái quyết tri (*các tâm thức theo sau*) là lượng, “không nhầm lẫn” bác bỏ tứ sát tri (*tâm thức cho là đúng*) là lượng, và “liễu tri” bác bỏ hữu sắc căn (*lực của giác quan*) là lượng.

Khi phân chia lượng, thì có hai loại:

- (1) hiện lượng và
- (2) tỷ lượng.

Định nghĩa, ví dụ và v.v... của riêng từng loại sẽ được giảng giải sau.

(A) HIỆN TIỀN

Định nghĩa của **một giác tri mà đó là một hiện tiền** là:

liễu tri ly phân biệt và không sai loạn (*tâm rõ biết là khỏi tính phân biệt và không sai lầm*).

Khi phân chia giác tri mà đó là hiện tiền thì có bốn loại:

- (1) căn hiện tiền,
- (2) ý hiện tiền,
- (3) tự chứng hiện tiền, và
- (4) du giả hiện tiền.

(1) Căn hiện tiền

Về loại đầu tiên trong các loại này [căn hiện tiền] có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Trước hết, định nghĩa của **căn hiện tiền** là:

- cái được sanh ra dựa vào tăng thượng duyên bất cộng của chính nó (*điều kiện làm cho tăng thêm không ở cùng chung của chính nó*) là hữu sắc căn, và
- là liễu tri ly phân biệt và không sai loạn.

Phân loại

Kể đến, khi phân chia [căn hiện tiền], thì có ba loại:

- (1) căn hiện lượng (*lượng mà đó là căn hiện tiền*),
- (2) căn hiện tiền tái quyết tri (*tái quyết tri mà đó là căn hiện tiền*), và
- (3) hiển nhi bất định căn hiện tiền (*giác tri đối với một đối tượng xuất hiện nào đó nhưng không được chắc chắn, mà giác tri đó là căn hiện tiền*).

Ví dụ loại thứ nhất, sát na đầu tiên của căn hiện tiền chấp trì sắc (*hình tướng*).

Ví dụ loại thứ hai, sát na thứ hai của căn hiện tiền chấp trì sắc.

Ví dụ loại thứ ba, căn hiện tiền chấp trì sắc trong dòng tương tục của một người mà tâm người đó đang bị thu hút vào một âm thanh dễ chịu.

Khi phân chia căn hiện tiền theo một cách khác, thì có năm loại:

- (1) chấp sắc căn hiện tiền (*căn hiện tiền chấp trì vào sắc*),
- (2) chấp thanh căn hiện tiền (*căn hiện tiền chấp trì vào âm thanh*),
- (3) chấp hương căn hiện tiền (*căn hiện tiền chấp trì vào mùi*),
- (4) chấp vị căn hiện tiền (*căn hiện tiền chấp trì vào vị giác*), và
- (5) chấp xúc căn hiện tiền (*căn hiện tiền chấp trì vào đối tượng có thể sờ mó được*).

Định nghĩa của một **chấp sắc căn hiện tiền** là:

- cái được sanh ra dựa vào tăng thượng duyên bất cộng của chính nó là nhãn căn (*thị lực*), và sở duyên duyên (*điều kiện đối tượng quan sát của nó*), là sắc, và
- là liễu tri ly phân biệt và không sai loạn.

Mở rộng cấu trúc định nghĩa tương tự cho các loại khác của [căn hiện tiền].

Vì vậy, [định nghĩa của chấp thanh căn hiện tiền], v.v...là: (1) cái được sanh ra dựa vào tăng thượng duyên bất cộng của chính nó, là nhĩ căn (*thính lực*), và sở duyên duyên, là âm thanh, [và (2) là liễu tri ly phân biệt và không sai loạn].

(2) Ý hiện tiền

Về loại thứ hai, ý hiện tiền, có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Trước hết, định nghĩa của một **ý hiện tiền** là:

- cái được sanh ra dựa vào tăng thượng duyên bất cộng của chính nó là ý căn và
- là liễu tri ly phân biệt và không sai loạn.

Phân loại

Kế đó, khi phân chia ý hiện tiền, thì có ba loại:

- (1) ý hiện lượng (*lượng mà đó là ý hiện tiền*),
- (2) ý hiện tiền tái quyết tri (*tái quyết tri mà đó là ý hiện tiền*), và
- (3) ý hiện tiền hiển nhi bất định (*giác tri đối với một đối tượng trình hiện nhưng không được chắc chắn, mà giác tri đó là ý hiện tiền*).

Ví dụ loại thứ nhất [ý hiện lượng], sát na đầu tiên của tha tâm thông (*khả năng rõ biết được tâm của người khác*).

Ví dụ loại thứ hai [ý hiện tiền tái quyết tri], sát na thứ hai của tha tâm thông.

Ví dụ loại thứ ba [ý hiện tiền hiển nhi bất định], ý hiện tiền chấp trì một âm thanh trong dòng tương tục của một người mà tâm người đó bị thu hút vào một hình tướng đẹp.

(3) Tự chứng hiện tiền

Về loại thứ ba, tự chứng hiện tiền, có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa của một **tự chứng** (*tự rõ biết*) là:

năng thủ hành tướng (*cái có hành tướng của một tâm chấp trì*).

Định nghĩa của một **tự chứng hiện tiền** là:

năng thủ hành tướng ly phân biệt và không sai loạn.

Phân loại

Kể đó, khi phân chia [tự chứng hiện tiền] thì có ba loại:

- (1) tự chứng hiện lượng (*lượng mà đó là tự chứng hiện tiền*),
- (2) tự chứng hiện tiền tái quyết tri (*tái quyết tri mà đó là tự chứng hiện tiền*), và
- (3) tự chứng hiện tiền hiển nhi bất định (*tâm hiển nhi bất định mà đó là tự chứng hiện tiền*).

Ví dụ loại thứ nhất [tự chứng hiện lượng], sát na đầu tiên của tự chứng hiện tiền trải nghiệm nhãn thức.

Ví dụ loại thứ hai [tự chứng hiện tiền tái quyết tri], sát na thứ hai của tự chứng hiện tiền trải nghiệm nhãn thức.

Các ví dụ của loại thứ ba [tự chứng hiện tiền hiển nhi bất định]:

- tự chứng hiện tiền trong dòng tương tục của một người theo trường phái Số Luận [*Samkhya*] trải nghiệm tâm thức vui sướng,
- tự chứng hiện tiền trong dòng tương tục của một người theo trường phái Thắng Luận [*Vaisheshika*] trải nghiệm một tâm thức vui sướng, và
- tự chứng hiện tiền trong dòng tâm thức của một người theo thuyết Hư vô [*Nihilist*] trải nghiệm một tỷ độ là lượng.

(4) Du già hiện tiền

Về loại thứ tư, du già hiện tiền, có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa của một **du già hiện tiền** là:

- cái được sanh ra dựa vào tăng thượng duyên bất cộng của chính nó là chánh quán song vận tam ma địa (*một sự thiền định kết hợp của tịch chỉ và thắng quán*), và

- là một trí rõ biết cao quý khác ly phân biệt và không sai loạn trong dòng tương tục của một bậc Thánh giả.

Phân loại

Khi phân chia [du già hiện tiền], thì có hai loại:

- (1) du già hiện lượng (*lượng mà đó là du già hiện tiền*) và
- (2) du già hiện tiền tái quyết tri (*tái quyết tri mà đó là du già hiện tiền*).

Không có giác tri nào mà với giác tri đó một đối tượng trình hiện nhưng không được chắc chắn là du già hiện tiền cả bởi vì bất cứ tâm thức nào là du già hiện tiền nhất thiết là phải chắc chắn đối tượng nắm giữ của nó. Là vì *Chú giải* của ngài Pháp Xứng về *Thích Lượng Luận* của ngài Trần Na, có nói: “Chỉ vừa mới nhìn thấy, thì những người thông minh cao quý sẽ khẳng định ngay tất cả các hành tướng.”

Mặc dù vẫn có du già hiện tiền tái quyết tri, nhưng ở sát na thứ hai và v.v. của một trí toàn tri cao quý không phải là tái quyết tri bởi vì bất cứ một trí toàn tri cao quý nào cũng đều nhất thiết là lượng. Là bởi vì *Luận giải* của ngài Gyel-tsap trên *Chú giải* của ngài Pháp Xứng về *Thích lượng luận* của ngài Trần Na: *Sự Soi Sáng Không Sai Loạn của Con Đường đi đến Giải Thoát* có nói, “Cho dù tôi có quay vào bên trong và nghĩ về nó nhiều bao nhiêu, thì tôi vẫn thấy trí toàn tri cao quý luôn là một tâm giác ngộ mới.” [nói một cách khác, một trí toàn tri cao quý nhất thiết là một tâm giác ngộ mới].

Ngoài ra trong *Khai Thông sự U Mê của Tâm đối với các Luận Thuyết về Lượng* của Rinpoche Kay-drup có nói, “Nếu [cái gì đó] trở thành một tái quyết tri chỉ đơn thuần qua [đối tượng sở hữu của nó] được chấp trì bởi một lượng trước đó, thì sát na thứ hai và các sát na sau đó của trí toàn tri cao quý ắt hẳn là tái quyết tri hay sao. Nhiều sai lầm như vậy sẽ được chỉ ra dưới đây.”

(B) HIỆN LƯỢNG

Định nghĩa của một **hiện lượng** là:

liễu tri mới mẻ không nhằm lẫn ly phân biệt.

Khi phân chia hiện lượng, thì có bốn loại:

- (1) tự chứng hiện lượng,
- (2) căn hiện lượng,
- (3) ý hiện lượng, và
- (4) du già hiện lượng.

(1) Tự chứng hiện lượng

Từ các phân loại này, thì định nghĩa của loại đầu tiên [**tự chứng hiện lượng**] là:

một liễu tri mới mẻ không nhằm lẫn, ly phân biệt, chỉ hướng vào bên trong và chỉ là một tâm chấp trì.

(2) Căn hiện lượng

Định nghĩa của loại thứ hai [**căn hiện lượng**] là:

một liễu tri mới mẻ không nhầm lẫn, ly phân biệt, sinh khởi dựa vào hữu sắc căn là tăng thượng duyên bất cộng của nó.

Khi phân chia [căn hiện lượng], thì có năm loại:

(1-5) căn hiện lượng chấp trì sắc và vân vân ...

(3) Ý hiện lượng

Định nghĩa của loại thứ ba [**ý hiện lượng**] là:

một liễu tri mới mẻ không nhầm lẫn, ly phân biệt, sinh khởi dựa vào ý căn là tăng thượng duyên bất cộng của nó.

Khi phân chia [ý hiện lượng], thì có sáu loại:

(1-6) ý hiện lượng chấp trì sắc và vân vân...

(4) Du già hiện lượng

Định nghĩa của loại thứ tư [**du già hiện lượng**] là:

Một trí rõ biết cao quý khác trong dòng tương tục của một bậc Thánh giả, dựa vào thiền định là sự kết hợp của tịch chỉ và thắng quán, và là tăng thượng duyên [bất cộng] của nó, mới và chứng đắc hoặc sự vô thường vi tế hoặc vô ngã cá thể thô hay vi tế.

Khi phân chia [du già hiện lượng], thì có ba loại :

- (1) hiện lượng chứng đắc vô thường vi tế,
- (2) hiện lượng chứng đắc vô ngã cá thể thô, và
- (3) hiện lượng chứng đắc vô ngã cá thể vi tế.

(C) TỰ HIỆN TIỀN (bản sao của một tâm hiện tiền)

Giải thích các tự hiện tiền có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa của một **tự hiện tiền** là:

một liễu tri sai loạn đối với đối tượng trình hiện của nó.

[Tự hiện tiền] và tâm thức sai loạn là đồng nghĩa.

Phân chia

Kể đến, khi phân chia [tự hiện tiền], có bảy loại bởi vì có:

- (1-6) sáu tự hiện tiền phân biệt và
- (7) một tự hiện tiền vô phân biệt.

(1-6) Tự hiện tiền phân biệt

Sáu loại đầu tiên của [tự hiện tiền phân biệt] đó là:

- (1) sai loạn tri (các phân biệt sai loạn/huyễn giác),
- (2) thể tục tri (các phân biệt về quy ước),
- (3) tỷ độ (các phân biệt luận đoán),
- (4) sanh từ tỷ độ (các phân biệt sinh khởi từ tỷ độ),
- (5) niệm (các phân biệt về nhớ nghĩ), và
- (6) hiện cầu (các phân biệt về mong cầu).

Các ví dụ minh họa lần lượt của từng loại,

- ví dụ loại đầu tiên, [sai loạn tri], ý nghĩ chấp tri âm thanh là thường hằng;
- ví dụ loại thứ hai, [thể tục tri], tỷ độ chứng âm thanh là vô thường;
- ví dụ loại thứ ba, [tỷ độ], ý nghĩ mà đó là tâm chấp tri vào một lý lẽ;
- ví dụ loại thứ tư, [sinh từ tỷ độ], ý nghĩ sinh khởi sau một tỷ độ;
- ví dụ loại thứ năm, [niệm], ý nghĩ hôm nay nhớ đến một đối tượng của quá khứ, và,
- ví dụ loại thứ sáu, [hiện cầu], ý nghĩ hôm nay mong ước cho một đối tượng của tương lai.

(7) Tự hiện tiền vô phân biệt

Có nhiều loại tự hiện tiền vô phân biệt.

Trong số hai, [tự hiện tiền vô phân biệt]

- (1) mà đó là các ý tri và
- (2) mà đó là các căn tri,

thì ví dụ của loại thứ nhất đã được giảng giải ở trên.

Về loại thứ hai, [tự hiện tiền vô phân biệt mà đó là căn tri], thì có bốn loại:

- (1) nguyên nhân của sai lầm thực sự ở cơ sở (giác quan),
- (2) nguyên nhân của sai lầm thực sự ở nơi trú,
- (3) nguyên nhân của sai lầm lệch thực sự ở đối tượng, và
- (4) nguyên nhân của sai lầm thực sự ở điều kiện ngay trước đó.

Ví dụ loại đầu tiên, [nguyên nhân của sai lầm thực sự ở **cơ sở**], là *một con mắt bị tổn thương do bệnh làm mờ đi*, thì đối với căn thức sẽ nhìn thấy một mặt trăng thành ra hai là do dựa vào con mắt bị mờ.

Ví dụ loại thứ hai, [nguyên nhân của sai lầm thực sự ở **nơi trú**], là *đang ngồi trên một con tàu*, thì đối với căn thức nhìn thấy các cây như đang chuyển động là do ngồi trên con tàu.

Ví dụ loại thứ ba, [nguyên nhân của sai lầm lệch thực sự ở **đối tượng**], là *quay nhanh một khúc củi cháy dở đang*, đối với căn thức nhìn thấy khúc củi cháy dở giống như một bánh xe là do khúc củi quay nhanh.

Ví dụ loại thứ tư, [nguyên nhân của sai lầm thực sự ở **điều kiện ngay trước đó**], là *tâm bị nhiễu loạn bởi sân giận*, đối với căn thức nhìn thấy mặt đất như có màu đỏ là do sân giận.

Điên đảo tri vô phân biệt, tự hiện tiền vô phân biệt, và tâm thức có sự trình hiện rõ ràng của một vật không tồn tại là đồng nghĩa với nhau.

(D) TỶ LƯỢNG

Định nghĩa của một **tỷ lượng** là:

một liễu tri khẳng định mới mẻ không nhằm lẫn được tạo ra một cách trực tiếp dựa vào một chánh lý (lý lẽ đúng đắn) mà đó là cơ sở của nó.

Khi phân chia [tỷ lượng] thì có ba loại:

- (1) tín hứa tỷ độ [*tỷ độ dựa vào lực của bằng chứng*],
- (2) cực thành tỷ độ [*tỷ lượng dựa vào danh tiếng/tiếng tăm*], và
- (3) sự thể tỷ độ [*tỷ lượng dựa vào niềm tin*].

Ví dụ minh họa loại đầu tiên, [tín hứa tỷ độ], là tỷ độ chứng âm thanh vô thường dựa vào lý lẽ là một sản phẩm.

Ví dụ minh họa loại thứ hai, [cực thành tỷ độ], là tỷ độ tri nhận từ ngữ mặt trăng là phù hợp để diễn tả “cái chứa con thỏ” do là vì sự hiện hữu của nó trong các đối tượng của ý nghĩ.

Ví dụ minh họa loại thứ ba [sự thể tỷ độ], là tỷ độ tri nhận kinh văn, “Thí đắc tài, giới sinh lạc” là không bị nhầm lẫn về ý nghĩa được chỉ ra bởi lý lẽ là kinh văn không có ba mâu thuẫn với nhau (*tam sát thanh tịnh thánh ngôn*) của nó.

Cực thành tỷ độ nhất thiết là sự thể tỷ độ. Ngoài ra bất kỳ cái gì là hiện tiền thì không nhất thiết là hiện lượng bởi vì ở sát na thứ hai của chấp sắc căn hiện tiền không phải là lượng. Do vì [là sát na thứ hai của chấp sắc căn hiện tiền] và sát na thứ hai của tỷ độ chứng âm thanh vô thường là tái quyết tri. Đây là vì *Tập Chánh Luận* của ngài Pháp Thượng có nói, “Hai loại này, sát na thứ nhất của hiện tiền và sát na thứ nhất của tỷ độ, là lượng, nhưng những sát na tiếp theo sau trong dòng tương tục của những người đó vì là không khác nhau về sự thành lập và vẫn tồn tại, nên không còn là lượng.”

(E) PHÂN CHIA THEO THUẬT NGỮ CỦA LƯỢNG

(1) Luận đoán dựa vào mình và dựa vào chánh lý

Hơn nữa, khi phân chia [lượng] theo thuật ngữ, thì có hai loại:

- (1) luận đoán dựa vào mình (*tự luận đoán*) và
- (2) dựa vào chánh lý.

Loại đầu tiên [tự luận đoán] và tỷ độ là đồng nghĩa với nhau.

Loại thứ hai [dựa vào chánh lý] và sự tuyên bố/phát biểu chứng minh xác đáng là đồng nghĩa với nhau.

(2) Về mặt phụ thuộc, các tâm chấp trì vào một lý lẽ

Bổ sung, về giảng giải các tâm chấp trì vào một lý lẽ, thì có hai phân: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Định nghĩa của cái gì sở hữu là một **tâm chấp trì một lý lẽ trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm** là:

nó là một liễu tri – trong dòng tương tục của một người đầy đủ kinh nghiệm mà đối với họ âm thanh đang được chứng minh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – đó là một cộng xứ của cả:

- là không nhầm lẫn đối với hoặc âm thanh là một sản phẩm hoặc bất kỳ cái gì là sản phẩm thì nhất thiết là vô thường và
- là nhân của một tỷ độ chứng âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm và sinh khởi dựa vào tác động nhân duyên của nó.

Phân loại

Khi phân chia [tâm chấp trì vào một lý lẽ], thì có hai loại:

- (1) tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ rằng âm thanh là một sản phẩm, và
- (2) tâm chấp trì vào một lý lẽ [trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm] hiểu rõ rằng bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường.

(1) Định nghĩa của loại đầu tiên [cái gì sở hữu là một **tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ rằng âm thanh là một sản phẩm**] là:

nó là một liễu tri – trong dòng tương tục của một người đầy đủ kinh nghiệm mà đối với họ âm thanh đang được chứng minh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – đó là một cộng xứ [*common locus*] của cả:

- là không nhầm lẫn đối với âm thanh là một sản phẩm và
- là nhân của một tỷ độ chứng âm thanh vô thường vì lý do là sản phẩm và sinh khởi dựa vào tác động nhân duyên của nó.

(2) Định nghĩa của loại thứ hai [cái gì sở hữu là một **tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ rằng bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường**] là:

nó là liễu tri – trong dòng tương tục của một người đầy đủ kinh nghiệm mà đối với họ âm thanh đang được chứng minh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – đó là một cộng xứ của cả:

- là không nhầm lẫn đối với bất kỳ cái gì là sản phẩm thì nhất thiết là vô thường và

- là nhân của một tỷ độ chứng âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm và sinh khởi dựa vào tác động nhân duyên của nó.

(1) Khi phân chia loại đầu tiên [tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm], thì có ba loại:

- (a) hiện tiền mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm,
- (b) tỷ độ mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm, và
- (c) tái quyết tri mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm.

(a) Trong số này, ví dụ về loại đầu tiên [hiện tiền mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm] là hiện tiền hiểu rõ rằng âm thanh là một sản phẩm trong dòng tương tục của một người đầy đủ kinh nghiệm mà đối với họ âm thanh đang được chứng minh là vô thường bởi lý do là sản phẩm.

(b) Ví dụ của loại thứ hai [tỷ độ mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm] là tỷ độ hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm, trong dòng tương tục của [một người như vậy].

(c) Ví dụ của loại thứ ba [tái quyết tri mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm] là sát na thứ hai, và tiếp sau đó, của một tỷ độ hiểu rõ âm thanh là một sản phẩm, trong dòng tương tục của [một người như vậy].

(2) Ngoài ra, về loại thứ hai [tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ rằng bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường], thì có ba loại:

- (a) hiện tiền mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường,
- (b) tỷ độ mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường, và
- (c) tái quyết tri mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường.

(a) Trong số này, ví dụ minh họa của loại đầu tiên [hiện tiền mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường] là hiện tiền hiểu rõ rằng bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường

trong dòng tương tục của một người đầy đủ kinh nghiệm mà đối với họ âm thanh đang được chứng minh là vô thường bởi lý do là sản phẩm.

(b) Ví dụ minh họa loại thứ hai [tỷ độ mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh là vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường] là tỷ độ hiểu rõ là bất kỳ cái gì là một sản phẩm nhất thiết là vô thường, trong dòng tương tục của [một người như vậy].

(c) Ví dụ minh họa loại thứ ba [tái quyết tri mà đó là tâm chấp trì vào một lý lẽ – trong sự chứng minh âm thanh vô thường bởi lý do là sản phẩm – hiểu rõ bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường] là sát na thứ hai, và tiếp sau đó, của tỷ độ hiểu rõ rằng bất cứ cái gì là một sản phẩm thì nhất thiết là vô thường, trong dòng tương tục của [một người như vậy].

(F) TỰ QUYẾT ĐỊNH LƯỢNG VÀ THA QUYẾT ĐỊNH LƯỢNG.

Khi phân chia lượng [theo một cách khác], thì có hai:

- (1) tự quyết định lượng (*Tâm tri nhận xác thực do chính mình đưa ra sự khẳng định*) và
- (2) tha quyết định lượng (*Tâm tri nhận xác thực khi người khác đưa ra sự khẳng định*).

Về mỗi loại, thì có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Hệ thống luận của chúng tôi như sau, Tập luận *Trang sức đối với Tri Thức, Nghĩa Tổng* của ngài Gen-dun-drup, [*Chú giải của ngài Pháp Xứng về Thích Lượng Luận của ngài Trần Na*] vì vậy thừa nhận:

Định nghĩa của một **tự quyết định lượng** là:

- nó là một lượng;
- nó có thể tự lực đưa ra sự khẳng định về việc không sanh khởi của chính nó nếu bản chất nắm giữ đối tượng của nó không trụ lại với đối tượng.

Định nghĩa của **tha quyết định lượng** là:

- nó là một lượng;
- sự khẳng định phải được đưa ra qua lực [một lượng] của một người khác về việc không sanh khởi của chính nó nếu bản chất nắm giữ đối tượng của nó không trụ lại với đối tượng.

Thừa nhận những điều này theo cách này là đúng đắn.

Phân loại

(1) Trong hệ thống luận của chúng tôi, khi phân chia tự quyết định lượng, thì có năm loại:

- (1) kiến năng tác dụng hiện lượng (*căn hiện lượng mà với căn hiện lượng đó thì khả năng thực hiện một chức năng xuất hiện*),

- (2) thực tất nghĩa hiện lượng (*căn hiện lượng có một đối tượng quen thuộc*),
- (3) tự chứng hiện lượng,
- (4) du già hiện lượng, và
- (5) tỷ lượng.

Bất kỳ tâm thức nào là một trong năm loại trên thì nhất thiết là tự quyết định lượng.

Các ví dụ minh họa như sau:

- ví dụ loại đầu tiên [kiến năng tác dụng hiện lượng,] là, căn hiện tiền chấp trì lửa có thể thực hiện các chức năng nấu nướng và đốt nóng;
- ví dụ loại thứ hai [thực tất nghĩa hiện lượng,] là, căn hiện lượng trong dòng tương tục của một người con chấp trì hình dáng của người cha;
- ví dụ loại thứ ba [tự chứng hiện lượng,] là, tự chứng hiện tiền trải nghiệm một nhãn thức;
- ví dụ loại thứ tư [du già hiện lượng,] là, trí toàn tri là một ý tri rõ biết khác;
- ví dụ loại thứ năm [tỷ lượng,] là, tỷ độ chứng âm thanh là vô thường.

(2) Khi phân chia tha quyết định lượng về mặt thuật ngữ, thì có ba:

- (1) hiện tiền đệ nhất thứ (*hiện tiền ban đầu*),
- (2) ý mặt tướng (*hiện tiền không có chú tâm*), và
- (3) hữu sai nhân (*hiện tiền có một nhân sai lầm*).

Các ví dụ minh họa như sau:

- ví dụ loại đầu tiên [hiện tiền đệ nhất thứ,] là, căn hiện tiền chấp trì màu hoa ưu đàm trong dòng tương tục của một người trước đây chưa từng thấy hoa ưu đàm.
- ví dụ loại thứ hai [ý mặt tướng,] là, căn hiện tiền chấp trì âm thanh trong dòng tương tục của một người mà tâm người này đang say đắm vào một hình tướng đẹp;
- ví dụ loại thứ ba [hữu sai nhân,] là, căn hiện tiền chấp trì màu của một ảo ảnh làm sanh khởi chồng thêm ngay một tâm chấp trì vào ảo ảnh là nước.

Khi [tha quyết định lượng] được phân chia về mặt thuật ngữ [theo một cách khác], thì có ba loại:

- (1) hiển hiện tự quyết định nhưng sự thật tha quyết định (*lượng khi tự khẳng định sự trình hiện nhưng sự thật lại do người khác khẳng định*),
- (2) tổng tự quyết định nhưng sai biệt tha quyết định (*lượng khi tự khẳng định tính tổng thể nhưng đặc thù riêng biệt lại do người khác khẳng định*), và
- (3) liên hiển hiện dạ thị tha quyết định (*lượng khi sự xác định ngay cả chỉ là sự trình hiện do người khác đưa ra*).

Ví dụ loại đầu tiên là, căn hiện tiền chấp trì màu hơi đỏ từ xa mà thật ra đó là màu của lửa và sanh nghi về màu đỏ đó không biết “Đó có phải là màu của lửa hay không?”

Ví dụ loại thứ hai là, căn hiện tiền chấp trì một cái cây có các cành và lá mà thật ra đó là cây vô ưu (cây Ashoka) và sanh nghi về cái cây đó không biết “Đó có phải là cây vô ưu hay không?”

Ví dụ loại thứ ba là, căn hiện tiền chấp trì màu xanh dương nhưng sanh một tâm nghi không biết “Có phải tôi nhìn thấy màu xanh dương hay không?”

Có sự khác nhau giữa những loại [tha quyết định lượng] đó vì chúng có thực sự là hay được quy cho là tha quyết định lượng hay không, đối với loại thứ nhất và loại thứ hai thực sự là [tha quyết định lượng] trong khi loại cuối cùng [liên hiển hiện dạ thị tha quyết định] là một loại được quy cho.

Ngoài ra, trong số những loại đó, loại đầu tiên [hiển hiện tự quyết định nhưng sự thật tha quyết định] là cả hai, là tự đưa ra quyết định và cũng là lượng tự quyết định đối với màu hơi đỏ ở phía xa mà thật ra là màu của lửa nhưng lại nghi ngờ không biết, “Màu đó có phải là lửa hay không?”

Nó cũng là cả hai khi sự khẳng định được một người khác đưa ra và là lượng khi sự khẳng định được một người khác đưa ra đối với màu hơi đỏ đó là màu của lửa.

Tuy nhiên, nó không phải là lượng đối với điều đó [màu hơi đỏ là màu của lửa].

Tóm lại, bất kỳ cái gì là lượng khi sự khẳng định được một người khác đưa ra thì nhất thiết là một lượng.

Tuy nhiên, bất kỳ cái gì là một lượng khi sự khẳng định đối với một hiện tượng riêng biệt được một người khác đưa ra thì nhất thiết không là lượng đối với hiện tượng đó.

Đó là vì bất kỳ một lượng nào đối với một hiện tượng riêng biệt đều nhất thiết là tự quyết định lượng đối với hiện tượng đó.

(G) LƯỢNG MÀ ĐÓ LÀ CÁ THỂ, LỜI NÓI VÀ TÂM THỨC.

Về mặt từ ngữ, khi lượng được phân chia [theo một cách khác], thì có ba:

- (1) lượng mà đó là các cá thể,
- (2) lượng mà đó là lời nói, và
- (3) lượng mà đó là các tâm thức.

Loại đầu tiên [lượng mà đó là cá thể] là, ví dụ, Đức Phật bốn sư.

Loại thứ hai [lượng mà đó là lời nói] là, ví dụ, pháp luân Tứ Diệu Đế.

Loại thứ ba [lượng mà đó là tâm thức] là, ví dụ, hiện tiền hay tỷ độ.

(H) LIỆT KÊ XÁC ĐỊNH CÁC LƯỢNG

Về sự liệt kê xác định, thì lượng được chia làm hai:

- (1) hiện lượng và
- (2) tỷ lượng.

Không nhất thiết phải nhiều hơn và kể cả không ít hơn là ý nghĩa của bảng liệt kê các lượng được giới hạn đến hai loại thôi cho các lượng được hạn chế ở hai loại đó.

Về các khác biệt đối với sự tồn tại thực sự, thì hiện tiền và tỷ độ là một sự tồn tại thực sự bởi vì hiện tiền là một tồn tại thực sự với tỷ độ.

Dựa vào lập luận này, [tất cả những tâm sau đây] được thành lập như là một tồn tại thực sự:

- hai tâm thức, tâm thức phân biệt và tâm thức vô phân biệt;
- hai tâm thức, sai loạn tri và vô sai loạn tri;
- hai tâm thức, căn tri và ý tri;
- hai tâm thức, tâm vương và tâm sở; và
- hai tâm thức, lượng và tri thức phi lượng.

Do đó, định nghĩa của **ly phân biệt** là: lia khỏi một liễu tri khẳng định chấp trì một thanh [tổng] và một nghĩa [tổng] như là thích hợp để trộn lẫn với nhau.

2. Tri thức phi lượng

Về loại thứ hai này, thì giảng giải tri thức phi lượng, có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Trong hệ luận của chúng tôi, định nghĩa của **tri thức phi lượng** là: một liễu tri không phải không nhằm lẫn mới xảy ra.

Phân loại

Kể đến, khi phân chia tri thức phi lượng, thì có năm:

- (1) tái quyết tri,
- (2) tứ sát tri,
- (3) hiển nhi bất định,
- (4) tâm nghi, và
- (5) điên đảo tri.

(A) TÁI QUYẾT TRI

Đối với loại đầu tiên, thì định nghĩa của **tái quyết tri** là: một liễu tri tri nhận cái đã được tri nhận.

Khi phân chia các tái quyết tri, thì có ba:

- (1) hiện tiền tái quyết tri,
- (2) phân biệt tái quyết tri, và
- (3) tái quyết tri không phải là hai loại này.

(1) Hiện tiền tái quyết tri

Về loại đầu tiên này, [hiện tiền tái quyết tri,] thì có năm loại:

- (1) căn hiện tiền tái quyết tri (*hiện tiền tái quyết tri mà đó là căn hiện tiền*),
- (2) ý hiện tiền tái quyết tri (*hiện tiền tái quyết tri mà đó là ý hiện tiền*),
- (3) tự chứng hiện tiền tái quyết tri (*hiện tiền tái quyết tri mà đó là tự chứng hiện tiền*),
- (4) du già hiện tiền tái quyết tri (*hiện tiền tái quyết tri mà đó là du già hiện tiền*), và
- (5) hiện tiền tái quyết tri mà đó không phải bốn loại trên.

Các ví dụ minh họa như sau:

- loại đầu tiên, ví dụ, là sát na thứ hai của căn hiện tiền chấp trì màu xanh dương;
- loại thứ hai là, ví dụ, tha tâm thông ở sát na thứ hai;
- loại thứ ba là, ví dụ, tự chứng hiện tiền ở sát na thứ hai trải nghiệm một nhãn thức, và vân vân...;
- loại thứ tư là, ví dụ, sát na thứ hai của một kiến đạo không bị gián đoạn;
- và loại thứ năm là, ví dụ, sát na thứ hai của tâm hiện tiền.

(2) Phân biệt tái quyết tri

Khi phân chia loại thứ hai, phân biệt tái quyết tri, thì có hai loại:

- (1) hiện tiền sở dẫn sinh phân biệt tái quyết tri (*phân biệt tái quyết tri được sinh bởi hiện tiền*) và
- (2) tỷ độ sở dẫn sinh phân biệt tái quyết tri (*phân biệt tái quyết tri được sinh bởi tỷ độ*).

Loại thứ nhất là, ví dụ, tâm hiện tiền chấp trì màu xanh dương sinh ra tâm thức khẳng định đúng như thật màu xanh dương đó.

Loại thứ hai là, ví dụ, tỷ độ ở sát na thứ hai chứng âm thanh là vô thường.

(B) TỨ SÁT TRI

Về loại thứ hai [của tri thức phi lượng], tứ sát tri, thì có [hai phần]: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa của **tứ sát tri** là:

một liễu tri quyết định đúng như thật mà nhầm lẫn đối với việc xác định đối tượng của nó.

Phân loại

Khi phân chia [tứ sát tri], thì có năm:

- (1) vô lý do tứ sát tri (tứ sát tri không có lý do),
- (2) tứ sát tri có lý do mâu thuẫn,
- (3) bất định lý do tứ sát tri (tứ sát tri mà lý do cho tứ sát tri đó không xác định [hay thiếu sự loại trừ],
- (4) tứ sát tri mà lý do cho tứ sát tri đó không được thành lập, và
- (5) tứ sát tri mà tứ sát tri đó có lý do nhưng không được đưa ra.

Ví dụ loại đầu tiên [vô lý do tứ sát tri] là, giác tri chấp trì âm thanh là vô thường chỉ dựa vào lời nói, “Âm thanh là vô thường.”

[Đây là một ví dụ thích hợp] bởi vì lời nói, “Âm thanh là vô thường,” diễn đạt một luận đề đã được sắp đặt sẵn là âm thanh vô thường nhưng không có lý do.

Ví dụ loại thứ hai [tứ sát tri có lý do mâu thuẫn] là, giác tri chấp trì âm thanh là vô thường từ lý do là rỗng không của có khả năng thực hiện một chức năng.

[Đây là một ví dụ thích hợp] bởi vì rỗng không của có khả năng thực hiện một chức năng thì mâu thuẫn với vô thường.

Ví dụ loại thứ ba [bất định lý do tứ sát tri] là, giác tri chấp trì âm thanh là vô thường từ lý do là một đối tượng của nhận thức.

[Đây là một ví dụ thích hợp] bởi vì đối tượng của nhận thức là một lý do không xác định trong sự chứng minh điều đó [nghĩa là bất kỳ cái gì là đối tượng của nhận thức thì không nhất thiết là vô thường].

Ví dụ loại thứ tư [tứ sát tri mà lý do cho tứ sát tri đó không được thành lập] là, giác tri chấp trì âm thanh là vô thường từ lý do là một đối tượng chấp trì dựa vào nhãn thức.

[Đây là một ví dụ thích hợp] bởi vì đối tượng chấp trì dựa vào nhãn thức là một lý do không được thành lập trong sự chứng minh điều đó.

Ví dụ loại thứ năm [tứ sát tri mà tứ sát tri đó có lý do nhưng lại không được đưa ra] là, giác tri chấp trì âm thanh là vô thường từ lý do là một sản phẩm, mà không có lượng nào đã khẳng định rằng âm thanh là một sản phẩm và bất kỳ cái gì là một sản phẩm thì phải là vô thường.

Đây là một ví dụ thích hợp] bởi vì mặc dù sản phẩm là một chánh lý trong sự chứng minh âm thanh là vô thường, nhưng người đó lại không đưa ra.

(C) HIỂN NHI BẤT ĐỊNH

Về loại thứ ba [của năm loại tri thức phi lượng, hiển nhi bất định], định nghĩa của cái gì sở hữu là một **hiển nhi bất định** là:

một liễu tri mà đó là một cộng xứ của:

- có sự trình hiện rõ ràng của hiện tượng có đặc tính riêng biệt mà đó là đối tượng hoạt động của nó và
- không thể đưa ra sự chắc chắn về hiện tượng có đặc tính riêng biệt mà đó là đối tượng hoạt động của nó.

Tuy nhiên, nên biết đến tâm thức trong đó không đúng là định nghĩa của “cái gì sở hữu là một hiển nhi bất định,” “mà đó là một cộng xứ của (1) có sự trình hiện rõ ràng của hiện tượng có đặc tính riêng biệt mà đó là đối tượng của nó và (2) không thể đưa ra sự chắc chắn về hiện tượng có đặc tính riêng biệt mà đó là đối tượng của nó.”

Đó là vì một căn thức mà nhìn thấy núi tuyết là màu xanh dương, thì sẽ nhìn màu trắng của núi tuyết, là đối tượng hoạt động của nó, ra màu xanh dương, và vì thế không thấy rõ hiện tượng có đặc tính riêng biệt mà hiện tượng đó là đối tượng hoạt động của nó.

Mặc dù vậy, vì đối tượng trình hiện của nó, màu trắng của núi tuyết, xuất hiện rõ ràng là màu xanh dương trong khi nó không có [là màu xanh dương], nên có sự trình hiện rõ ràng của hiện tượng có đặc tính riêng biệt mà hiện tượng đó là đối tượng của nó.

Ngoài ra không thể đưa ra sự chắc chắn về điều đó bởi vì nó khẳng khăng gắn kết vào [đối tượng] đó.

Các ví dụ minh họa của tâm hiện nhi bất định là:

- căn hiện tiền chấp trì màu xanh dương mà đưa ra nghi ngờ tự hỏi, “Tôi có thấy màu xanh dương hay không?”;
- ý hiện tiền trong dòng tương tục của những người phạm phu chấp trì năm đối tượng– sắc, và vân vân ; và
- tự chứng trải nghiệm những [ý hiện tiền] đó.

(D) TÂM NGHI

Hệ thống luận của chúng tôi là hệ thống luận mà định nghĩa của một **tâm nghi** là:

một liễu tri, hoài nghi nhị biên của tự lực (liễu tri hoài nghi cả hai phía bởi chính lực của nó).

Một tâm có sự tương đồng với tâm sở nghi và các tâm sở cảm thọ, v.v..., là những tâm sở tùy hành của [tâm có sự tương đồng với tâm sở nghi] đó có những hoài nghi bởi lực của sự nghi ngờ, nhưng không có hoài nghi nhị biên của tự lực.

Khi phân chia tâm nghi, có ba loại:

- (1) hợp nghĩa nghi (*nghi hướng về sự kiện thật*),
- (2) bất hợp nghĩa nghi (*nghi hướng về sự kiện không thật*), và
- (3) đấng phản nghi.

Ví dụ loại đầu tiên, nghi chắc âm thanh có thể là vô thường.

Ví dụ loại thứ hai, nghi chắc âm thanh có thể là thường hằng.

Ví dụ loại thứ ba, hoài nghi không biết âm thanh là thường hay vô thường.

(E) ĐIÊN ĐẢO TRI

Về cái thứ năm [của năm tri thức phi lượng], tâm thức điên đảo, có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Trong hệ thống luận của chúng tôi, định nghĩa của một **điên đảo tri** là:
một liễu tri gắn vào đối tượng của nó một cách sai lạc.

Phân loại

Kể đến, khi phân chia tâm thức điên đảo, thì có hai:

- (1) phân biệt điên đảo tri và
- (2) vô phân biệt điên đảo tri.

Các ví dụ của loại đầu tiên là ý nghĩ chấp tri âm thanh là thường hằng và ý nghĩ chấp tri sừng thỏ.

Về loại thứ hai, [vô phân biệt điên đảo tri], thì có hai:

- (1) ý tri [mà đó là vô phân biệt điên đảo tri] và
- (2) căn tri [mà đó là vô phân biệt điên đảo tri].

Ví dụ loại đầu tiên, [ý tri mà đó là vô phân biệt điên đảo tri] là, mộng tri (tâm thức trong giấc mơ) thấy màu xanh dương trong giấc mơ rõ ràng là màu xanh dương.

Chủ thể này là một ý tri, một tâm thức không phân biệt, và một điên đảo tri. Theo thứ tự,

- [nó là một ý tri] bởi vì là mộng tri;
- [nó là một tâm thức không phân biệt] bởi vì là một tâm thức không phải là liễu tri quyết định chấp tri thanh tổng và nghĩa tổng như là thích hợp để trộn lẫn với nhau; và
- [nó là điên đảo tri] bởi vì là một tâm thức chấp tri đối tượng của nó, một hình tướng mà là một hiện tượng-nguồn, như là màu xanh dương, trong khi nó không tồn tại như là màu xanh dương.

Tuy nhiên, chúng ta nói rằng đối với người đang nằm mộng [mộng tri thấy rõ ràng màu xanh dương của giấc mơ là màu xanh dương] đó là căn tri phù hợp với sự thật.

Ví dụ loại thứ hai, điên đảo tri mà đó là căn tri, là căn tri thấy núi tuyết màu xanh dương và căn tri thấy ốc xà cừ trắng là màu vàng.

3. Phân loại làm ba của giác tri và liễu tri

Về phân loại làm ba của giác tri và liễu tri thì có ba phần:

- (1) giảng giải tâm phân biệt lấy nghĩa tổng làm đối tượng nắm giữ của nó,
- (2) giảng giải tâm không phân biệt, không sai loạn lấy hiện tượng có đặc tính riêng biệt làm đối tượng nắm giữ, và
- (3) giảng giải tâm không phân biệt, sai loạn lấy một trình hiện rõ ràng của một cái không tồn hữu làm đối tượng nắm giữ.

(A) TÂM PHÂN BIỆT LẤY NGHĨA TỔNG LÀM ĐỐI TƯỢNG NẮM GIỮ CỦA NÓ.

Về loại thứ nhất, [giảng giải tâm phân biệt lấy Nghĩa tổng làm Sở thủ cảnh] có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa của **tâm phân biệt** là:

một liễu tri quyết định chấp trì một thanh [tổng] và một nghĩa [tổng] là thích hợp trộn lẫn với nhau.

[Từ ngữ] “âm thanh” của “âm thanh và ý nghĩa”, [ám chỉ] đến một thanh tổng và “ý nghĩa” [ám chỉ] đến một nghĩa tổng. Mà tâm nắm giữ hai cái đó [thanh tổng và nghĩa tổng] như là được trộn lẫn với nhau sẽ chấp trì gom cả hai làm một.

Có mục đích để nói “thích hợp” [để trộn lẫn nhau] bởi vì nó nhất thiết bao gồm tâm phân biệt trong dòng tương tục của một người chưa được dạy về danh pháp.

Đó là vì một tâm phân biệt trong dòng tương tục của [một người] như vậy không chấp trì thanh tổng và nghĩa tổng như là được trộn lẫn, mà chỉ là thích hợp để trộn lẫn.

Phân loại

Kể đến, khi phân chia tâm phân biệt, thì có ba loại:

- (1) tâm phân biệt chỉ chấp trì thanh tổng,
- (2) tâm phân biệt chỉ chấp trì nghĩa tổng, và
- (3) tâm phân biệt chấp trì cả hai thanh tổng và nghĩa tổng.

Ví dụ minh họa của loại đầu tiên [tâm phân biệt chỉ chấp trì thanh tổng] là tâm phân biệt trong dòng tương tục của một người không biết một vật có dạng củ tròn đáy bằng có thể có công năng chứa nước là một cái bình mà người đó chấp trì cái bình chỉ dựa vào âm thanh “cái bình”.

Ví dụ minh họa của loại thứ hai [tâm phân biệt chỉ chấp trì nghĩa tổng] là tâm phân biệt trong dòng tương tục của một người như vậy [người không biết một vật có dạng củ tròn đáy bằng có thể có công năng chứa nước là cái bình] mà người đó chấp trì vào một vật có hình củ tròn chỉ dựa vào việc nhìn thấy một vật có hình củ.

Ví dụ minh họa của loại thứ ba [tâm phân biệt chấp trì cả hai thanh tổng và nghĩa tổng] là một tâm phân biệt – trong dòng tương tục của một người biết cái bình– đang chấp trì cái bình.

“Thanh tổng và nghĩa tổng của cái bình là gì?”

Sự trình hiện đó là một sự trình hiện như là cái bình đối với tâm phân biệt đầu tiên [trong ba ví dụ trên] chỉ là một thanh tổng.

Sự trình hiện đó là sự xuất hiện của một vật hình củ tròn đối với tâm phân biệt thứ hai [trong các ví dụ trên] chỉ là một nghĩa tổng.

Khi hoặc một cái bình hoặc một vật hình củ tròn trình hiện đối với tâm phân biệt thứ ba [trong các ví dụ trên] thì có sự trình hiện của cả một thanh tổng và một nghĩa tổng.

Khi tâm phân biệt được phân chia [theo cách khác], thì có hai:

- (1) tâm phân biệt gắn vào danh xưng, và
- (2) tâm phân biệt gắn vào ý nghĩa.

Một tâm phân biệt chấp trì [vào trong đối tượng của nó] cho rằng “Vật hình củ tròn này là một cái bình,” là cả hai [tâm phân biệt gắn vào danh xưng và tâm phân biệt gắn vào ý nghĩa].

Lần lượt theo thứ tự,

- [là cái tâm đầu tiên] bởi vì là một liễu tri quyết định chấp trì vào trong [đối tượng của nó] gắn danh xưng “cái bình” vào đối tượng [vật hình củ tròn];
- [là tâm thứ hai] bởi vì là một liễu tri quyết định chấp trì vào trong [đối tượng của nó] gắn các thuộc tính vào một cơ sở.

Bất kỳ tâm phân biệt nào gắn một ý nghĩa thì không nhất thiết là tâm phân biệt gắn một danh xưng, đối với tâm phân biệt chấp trì [vào trong đối tượng của nó] nghĩ rằng, “Người này có một cây gậy,” là tâm phân biệt [chỉ] gắn một ý nghĩa.

Nó là tâm phân biệt chấp trì vào trong [đối tượng của nó] gắn một thuộc tính –cây gậy–vào một cơ sở - người.

Ngoài ra, bất kỳ tâm phân biệt nào đều không nhất thiết là cả hai tâm đó, đối với tâm phân biệt chỉ chấp trì vào cơ sở “cái bình” thì không là cả hai.

Khi tâm phân biệt được phân chia [theo một cách khác], thì có hai:

- (1) tâm phân biệt đúng như thật (tâm phân biệt phù hợp với sự thật) và
- (2) tâm phân biệt không đúng như thật (tâm phân biệt không phù hợp với sự thật).

Định nghĩa của một **tâm phân biệt đúng như thật** là:

một liễu tri quyết định đúng như thật chấp trì thanh tổng và nghĩa tổng như là thích hợp để trộn lẫn với nhau.

Nếu cái gì đó là một cơ sở được thành lập, thì tâm thức phân biệt chấp trì nó nhất thiết là một tâm thức phân biệt đúng như thật.

Định nghĩa của một **tâm phân biệt không đúng như thật** là:

Một liễu tri quyết định không đúng như thật chấp trì thanh tổng và nghĩa tổng như là thích hợp để trộn lẫn với nhau.

Nếu cái gì đó không là một cơ sở được thành lập, thì tâm thức phân biệt chấp trì nó nhất thiết một tâm thức phân biệt không đúng như thật.

(B) TÂM VÔ PHÂN BIỆT, KHÔNG SAI LOẠN LẤY HIỆN TƯỢNG CÓ ĐẶC TÍNH RIÊNG BIỆT LÀM ĐỐI TƯỢNG NẮM GIỮ CỦA NÓ

Về loại thứ hai [của phân chia giác tri và liễu tri làm ba, tâm vô phân biệt không sai loạn lấy hiện tượng có đặc tính riêng biệt làm đối tượng nắm giữ của nó], có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Định nghĩa của cái gì sở hữu là một **tâm thức vô phân biệt không sai loạn** là:

một liễu tri có sự trình hiện rõ ràng là không sai loạn đối với đối tượng trình hiện của nó.

Hai tâm thức, [tâm thức vô phân biệt không sai loạn] và giác tri hiện tiền là đồng nghĩa với nhau.

Phân loại

Khi phân chia [tâm thức vô phân biệt không sai loạn], thì có bốn loại:

- (1) căn tri vô phân biệt không sai loạn,
- (2) ý tri vô phân biệt không sai loạn,
- (3) tự chứng vô phân biệt không sai loạn, và
- (4) du già hiện tiền vô phân biệt không sai loạn.

Vì chúng đã được giảng giải ở trên nên phải biết về loại này.

(C) TÂM THỨC VÔ PHÂN BIỆT SAI LOẠN LẤY SỰ TRÌNH HIỆN RÕ RÀNG CỦA MỘT CÁI KHÔNG TỒN HỮU LÀM ĐỐI TƯỢNG CHẤP TRÌ CỦA NÓ.

Về loại thứ ba [của phân chia giác tri và liễu tri làm ba, tâm thức vô phân biệt sai loạn lấy sự trình hiện rõ ràng của một cái không tồn hữu làm đối tượng chấp trì của nó], có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa của cái gì sở hữu là một **tâm thức vô phân biệt sai loạn** là:

một liễu tri có sự trình hiện rõ ràng mà đó là sai loạn đối với đối tượng trình hiện của nó.

Phân loại

Khi phân chia [tâm thức vô phân biệt sai loạn], thì có hai loại:

- (1) căn tri mà đó là [tâm thức vô phân biệt sai loạn] và
- (2) ý tri mà đó là [tâm thức vô phân biệt sai loạn].

Định nghĩa của loại đầu tiên [**một căn tri mà đó là tâm thức vô phân biệt sai loạn**] là:

là một cộng xứ của:

- là một tâm thức vô phân biệt sai loạn và
- là được sanh ra dựa vào hữu sắc căn mà đó là tăng thượng duyên bất cộng của chính nó.

Định nghĩa của loại thứ hai [**một ý tri mà đó là tâm thức vô phân biệt sai loạn**] là:

đó là một cộng xứ của:

- là một tâm thức vô phân biệt sai loạn và
- là được sanh ra dựa vào ý căn mà đó là tầng thượng duyên bất cộng của chính nó.

4. Phân chia ra làm hai của giác tri

Ngoài ra, đối với giác tri, thì có hai loại:

- (1) tự chứng và
- (2) ngoại chứng.

Loại đầu tiên của phân loại này [nghĩa là tự chứng] và tâm thức chỉ hướng vào bên trong là đồng nghĩa với nhau.

Loại thứ hai [nghĩa là ngoại chứng] và tâm thức hướng ra bên ngoài là đồng nghĩa với nhau.

Căn hiện tiền, ý hiện tiền và du già hiện tiền, cũng như các tâm phân biệt là minh họa của loại thứ hai [nghĩa là ngoại chứng].

Bất kỳ tri thức nào trong các loại đó [một căn hiện tiền, ý hiện tiền, du già hiện tiền, hay tâm thức phân biệt] phải là một ngoại chứng.

5. Một phân loại làm hai khác của giác tri và liễu tri

Ngoài ra, về giác tri và liễu tri thì có hai:

- (1) các tâm vương và
- (2) các tâm sở.

(A) CÁC TÂM VƯƠNG

Định nghĩa của một **tâm vương** là:

một liễu tri chủ yếu được ấn định nhờ cách chấp trì sự tồn tại (*thực thể*) của đối tượng của nó.

Tâm vương (*gtso sems*), tâm (*sems, chitta*), ý (*vid, manas*), và thức (*rnam shes, vijnana*) là bao gồm cùng với nhau và đồng nghĩa với nhau.²

Khi phân chia [các tâm] dựa theo thực thể, thì có sáu:

- (1-6) từ nhãn thức lên đến ý thức.

Nếu cô đọng lại, thì chúng bao gồm hai:

- (1) căn thức và
- (2) ý thức.

²*Ghi chú của Ban biên tập:* Trong phần về Tâm này, các từ ngữ “sentience” (*vid*) và “perceiver” (*rnam shes*) trong bản dịch của E. Napper đã được thay đổi lần lượt thành “mentality” (ý) và “consciousness” (thức).

Có bốn khả năng xảy ra giữa hai loại, ý (*yid, manas*) và ý thức (*yidshes, manovijnana*). Đó là vì

- nhân thức có khả năng là ý nhưng không phải là ý thức;
- cảm thọ đi theo với ý thức có khả năng là ý thức nhưng không phải là ý;
- ý thức có khả năng là cả hai ý và ý thức; và
- cảm thọ đi theo nhân thức có khả năng không là ý và cũng không là ý thức.

Tương tự nên biết cách ấn định bốn khả năng giữa hai, ý và căn thức (*dbang shes, indriyajnana*) và bốn khả năng xảy ra giữa hai, trí huệ (*ye shes, jnana*) và ý thức (*yid shes, manojnana*).

(B) TÂM SỞ (các yếu tố của tâm)

Định nghĩa của **tâm sở** là:

một liễu tri chấp trì bất kỳ các đặc điểm của đối tượng của nó và đi theo (tùy hành) bất kỳ tâm vương nào tương đồng với nó.

Một tâm và các tâm sở tùy hành với nó sở hữu năm phương thức cùng tương đồng với nhau bởi vì có sự tương đồng của:

- (1) sở y (cơ sở/nền tảng),
- (2) sở duyên (đối tượng quan sát),
- (3) hành tướng (phương thức chấp trì),
- (4) thời gian, và
- (5) chất (bản thể thật sự).

Là như thế:

- bởi vì tâm sở tùy hành dựa vào lực của căn, như là *sở y* của nó, mà trên đó tâm vương dựa vào;
- bởi vì tâm sở tùy hành được tạo ra từ *sở duyên* mà dựa vào đó tâm vương được tạo ra;
- bởi vì *hành tướng* của bất kỳ đối tượng trình hiện trước tâm sở tùy hành cũng giống như nó trình hiện trước tâm vương;
- bởi vì tâm sở tùy hành cũng được tạo ra *cùng lúc* như tâm vương được tạo ra;
- bởi vì một tâm vương và các tâm sở tùy hành của nó được tạo ra có đủ khả năng nhờ vào [*là*] *một loại chất* và không được tạo ra như là khác chất.

Trong tập luận *Kho Tàng của Trí* của ngài Thế Thân (*A tỳ đạt ma câu xá luận*) có nói: “... đồng nghĩa. Tâm và các tâm sở có năm phương thức sở hữu tương đồng.”

Khi phân chia các tâm sở, thì có năm mươi một loại:

- (1) ngũ biến hành (*năm tâm sở trùm khắp*),
- (2) ngũ biệt cảnh (*năm tâm sở khắng định*),
- (3) thập nhất thiện (*mười một tâm thiện*),
- (4) lục phiền não căn bản (*sáu phiền não căn bản*),
- (5) hai mươi tùy phiền não (*hai mươi phiền não phụ*), và

(6) bốn tâm sở bất định (*bốn tâm sở hay thay đổi*).

(1) Ngũ biến hành

Năm tâm sở đầu tiên:

- (1) tâm sở cảm thọ,
- (2) tâm sở tư,
- (3) tâm sở tưởng,
- (4) tâm sở tác ý, và
- (5) tâm sở xúc.

đi theo tất cả các tâm vì thế được giải thích như là “trùm khắp”. Gọi như thế bởi vì mỗi khi bất kỳ một tâm nào trong số năm tâm này chưa trọn vẹn, thì sự thọ hưởng của đối tượng chưa đầy đủ:

- không có tâm sở cảm thọ, thì trải nghiệm khoái lạc, khổ đau và vân vân, không sinh khởi;
- không có tâm sở tư, thì sự định danh các thể tục qua lời nói không xảy ra;
- không có tâm sở tưởng, thì sự gắn kết vào đối tượng không xảy ra;
- không có tâm sở tác ý, thì định hướng của tâm vào sở duyên (*đối tượng quan sát*) không xảy ra;
- không có tâm sở xúc, thì cảm thọ – khoái lạc, khổ đau, và vân vân – không được sinh ra.

Tuy nhiên, không xác định được là các tâm sở này [các tâm sở biến hành] phải hiện hữu một cách rõ ràng, bởi vì vào thời điểm ví dụ xảy ra tâm vi tế của cái chết, hay thời điểm chỉ mới tạo sự chuyển tiếp [sang tái sinh kế tiếp của một người, nghĩa là, chỉ mới đi vào tử cung] hay khi bị thu hút vào [một đối tượng của] sự chám dứt, thì một số của các tâm sở này – tâm sở cảm thọ và vân vân – chỉ gắn kết vào [đối tượng của chúng] theo cách thức không hoạt động.

(A) Tâm sở cảm thọ

Về loại thứ nhất trong số các tâm sở này, tâm sở cảm thọ, thì có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa của **tâm sở cảm thọ** là:

một liễu tri được phân biệt qua các trải nghiệm.

Cảm thọ và uẩn cảm thọ là đồng nghĩa.

Phân loại

Kể đến, khi phân chia [các cảm thọ], thì có ba loại:

- (1) phân chia làm hai,
- (2) phân chia làm ba, và
- (3) phân chia làm năm.

Về cái đầu tiên, [phân chia cảm thọ làm hai], thì có hai loại:

- (1) thân cảm thọ và
- (2) tâm cảm thọ.

Loại đầu tiên [nghĩa là thân cảm thọ], cảm thọ mà đó là một căn thức, và cảm thọ bên ngoài là đồng nghĩa với nhau.

Loại thứ hai [nghĩa là tâm cảm thọ], cảm thọ mà đó là ý thức, cảm thọ bên trong là đồng nghĩa với nhau.

Ngoài ra, loại phân chia làm hai [phân chia cảm thọ] còn chia thành:

- (1) cảm thọ thiên về vật chất và
- (2) cảm thọ thiên về phi vật chất.

Loại đầu tiên [cảm thọ thiên về vật chất] và cảm thọ không đúng đắn (bị nhiễm ô) là đồng nghĩa với nhau.

Loại thứ hai [cảm thọ thiên về phi vật chất] và cảm thọ không bị nhiễm ô là đồng nghĩa với nhau.

Loại phân chia làm ba [của cảm thọ] thì chia thành ba:

- (1) cảm thọ hạnh phúc,
- (2) cảm thọ khổ, và
- (3) cảm thọ xả.

Ngoài ra, mặc dù bất kỳ tâm thức nào là lạc hay đau khổ thì nhất thiết là tâm cảm thọ, bất kỳ tâm thức nào là tâm xả thì không nhất thiết là tâm cảm thọ. Đó là vì, đối với tâm xả, thì có ba loại:

- (1) cảm thọ xả [hay cảm thọ trung tính],
- (2) ứng dụng xả [đó là để nói, việc từ bỏ], được bao gồm trong số mười một thiện lành [tâm sở], và
- (3) xả vô lượng [hay là ý thức của trạng thái rỗng không ngang nhau giữa ham muốn và ghét bỏ].

Loại phân chia làm năm [của cảm thọ] thì có năm:

- (1) cảm thọ hạnh phúc,
- (2) ý cảm thọ hạnh phúc,
- (3) cảm thọ khổ,
- (4) ý cảm thọ không hạnh phúc, và
- (5) cảm thọ xả.³

Bất kỳ tâm thức nào là ý hạnh phúc thì nhất thiết là hạnh phúc nhưng nhất thiết không là hạnh phúc

³Ghi chú của Ban biên tập: trong suốt phần về cảm thọ các từ “pleasure,” “displeasure,” và “pain” trong bản dịch của E. Napper đã được thay đổi lần lượt thành “happiness,” “unhappiness,” và “suffering.”

trong phân chia làm năm của cảm thọ. Đó là vì bất kỳ tâm thức nào là hạnh phúc mà nằm trong phân chia làm năm của cảm thọ phải là thân cảm thọ hạnh phúc.

Tương tự, bất kỳ tâm thức nào là ý không hạnh phúc thì nhất thiết là đau khổ, nhưng nhất thiết không là đau khổ trong phân chia năm loại của cảm thọ. Đó là vì bất kỳ tâm thức nào là đau khổ mà nằm trong phân chia làm năm của cảm thọ đều phải là thân cảm thọ đau khổ.

(B-E) Tâm sở tư và vân vân.

Các tâm sở sau đó [bốn tâm sở biến hành,] tâm sở tư, và vân vân, được biết đến từ những *Tri thức thấp và cao* [đó là, từ tập luận *Kho Tàng của Trí* của ngài Thế Thân và *Bản Tóm tắt Tri Thức (A tì đạt ma tập Luận)* của ngài Vô Trước].

(2) Ngũ biệt cảnh (Năm tâm sở khẳng định)

Nhóm thứ hai [nhóm các tâm sở], năm tâm sở:

- (1) tâm sở dục (lòng mong muốn),
- (2) tâm sở thắng giải,
- (3) tâm sở niệm,
- (4) tâm sở định, và
- (5) huệ,

xác định đối tượng một cách riêng rẽ từng cái một và vì thế được gọi là “các tâm xác định [hay tâm khẳng định] các đối tượng.”

- Tâm sở dục mong muốn đạt được hay tìm kiếm đối tượng.
- Tâm sở thắng giải gắn kết vào đối tượng đó một cách vui mừng.
- Tâm sở niệm chấp trì đối tượng quan sát (sở duyên) và hành tướng.
- Tâm sở định trụ vào một đối tượng.
- Huệ phân tích từng cái một.

Loại đầu tiên [nghĩa là Tâm sở dục mong muốn đạt được hay tìm kiếm đối tượng] được thành lập bởi vì tham vọng (*'dunpa*), mong cầu (*'dod pa*), và tìm kiếm (*don gnyer*) là đồng nghĩa với nhau.

Vì thế, nếu có một tham vọng tìm kiếm một hiện tượng nào đó, thì nỗ lực vì hiện tượng đó được bắt đầu.

(3) Thập nhất thiện

Nhóm thứ ba [nhóm các tâm sở] – mười một tâm sở:

- (1) tâm tín,
- (2) tâm tầm (*biết tự hổ thẹn*),
- (3) tâm quý (*tâm hổ thẹn vì người khác*),
- (4) tâm vô tham,
- (5) tâm vô oán (*tâm sở không oán giận*),
- (6) tâm vô si (*tâm sở không ngu si*),

- (7) tâm tinh tấn,
- (8) tâm khinh an,
- (9) tâm bất phóng dật,
- (10) tâm xả, và
- (11) tâm bất hại –

là các đạo đức bằng cách tránh xa các điều trái ngược lại với chúng, bất tín, và vân vân. Vì thế, chúng được gọi là “mười một tâm thiện” và là một liệt kê rõ ràng.

Tuy nhiên, tâm tín mà không có đối tượng của tín trong đó, như các yêu ma, và vân vân, và tinh tấn về hướng bất thiện được quy cho là tâm tín và tinh tấn, nhưng không phải thật sự là [tín và tinh tấn]. Vì vậy, nhất thiết phải phân biệt các tâm này.

(4) Sáu phiền não căn bản.

Nhóm thứ tư [nhóm các tâm sở] – có sáu tâm:

- (1) tham mà đó là, [một gốc rễ của phiền não],
- (2) sân,
- (3) mạn,
- (4) vô minh,
- (5) nghi hữu phiền não, và
- (6) kiến hữu phiền não, –

tác động như là gốc rễ của cả vòng luân hồi và các phiền não phụ, vì thế được gọi là “phiền não căn bản”.

Bất kỳ hoặc tâm tham hoặc vô minh không nhất thiết là một phiền não căn bản đối với những tâm này [xây ra] trong dòng tương tục của một bậc bồ tát thượng căn thì không phải là các tâm phiền não căn bản bởi vì khả năng tác dụng của chúng bị giảm đi, giống như thuốc độc bị mất tác dụng bởi thuốc trị bệnh hay câu chú.

(5) Hai mươi tùy phiền não

Nhóm thứ năm [nhóm các tâm sở] – có hai mươi tâm:

- (1) phẫn,
- (2) hận,
- (3) phú (*đạo đức giả, che dấu sự thật*),
- (4) não (*cố chấp việc ác*),
- (5) tật (*ganh ghét*),
- (6) xan (*tham lam ích kỷ*),
- (7) xiêm (*giả dối*),
- (8) cuồng (*gian lận, dối gạt, lừa lọc*),
- (9) kiêu (*tự phụ*),
- (10) hại (*ác*),
- (11) vô tầm (*không biết hổ thẹn việc mình đã làm*),

- (12) vô quý (*không biết hổ thẹn với người khác đối với việc mình phạm tội*),
- (13) hôn trầm (*chìm đắm, lờ đờ, thiếu linh động*),
- (14) trạo cử (*xao động không yên*),
- (15) bất tín,
- (16) giải đãi (*không tinh tấn, biếng nhác*),
- (17) phóng dật,
- (18) thất niệm (*chóng quên, không chú tâm*),
- (19) bất chánh tri (*hiểu biết sai*), và
- (20) tán loạn –

khởi phát từ và gắn gũi với các nguyên nhân gây ra của chúng, là các phiền não căn bản, vì thế được gọi là “phiền não phụ”.

(6) Bốn tâm sở bất định

Nhóm thứ sáu [nhóm các tâm sở] – có bốn tâm:

- (1) tâm sở miên (*lờ đờ, buồn ngủ*),
- (2) tâm hối (*hối hận*),
- (3) tâm tầm (*suy nghĩ, tìm hiểu dạng thô*), và
- (4) tâm tứ (*suy nghĩ, tìm hiểu dạng vi tế*)–

có thể trở thành [bất kỳ trong] ba, thiện, bất thiện, hay vô ký (trung tính), vì thế được gọi là “có thể thay đổi”. Đó là vì sự thay đổi như thế có thể xảy ra ví dụ do [là vào] lúc ngủ, tín tâm hay không tín tâm vào Tam Bảo, hối hận hay không hối hận đối với đức hạnh hay phạm tội, và vân vân.

6. Về mặt phụ thuộc, cách thức các tông luận thừa nhận

Về mặt phụ thuộc, đối với cách thức các tông luận thừa nhận, thì Hữu Bộ Tông (*Vaibhashikas*), Kinh Lượng Bộ (*Sautrantika*), Trung Quán Y Tự Khởi (*Svatantrika Madhyamikas*), và Trung Quán Ứng Thành (*Prasangikas*) thừa nhận rằng hiện lượng được giới hạn trong ba loại:

- (1) căn hiện tiền,
- (2) ý hiện tiền, và
- (3) du già hiện tiền.

Đó là vì họ không thừa nhận tự chứng hiện tiền. Kinh Lượng Bộ (*Sautrantika*), Duy Thức (*Chittamatrins*), và Trung quán Du Già Hành Y Tự Khởi (*Yogachara Svatantrika Madhyamikas*) thừa nhận hiện lượng được giới hạn trong bốn loại:

- (1) căn hiện tiền,
- (2) ý hiện tiền,
- (3) tự chứng hiện tiền, và
- (4) du già hiện tiền.

Kinh Lượng Bộ thừa nhận bất kỳ tâm thức nào là hiện tiền nhất thiết là một tâm thức không sai loạn, nhưng Duy Thức Tông thì không thừa nhận, đối với Duy Thức Tông thì căn hiện tiền trong dòng tương tục của một người phạm phu chấp trì sắc là một tâm thức sai loạn.

Áp dụng sự tương tự này vào bốn loại sau [các căn hiện tiền] – căn hiện tiền chấp trì âm thanh, và vân vân. Trung Quán Du Già Hành Y Tụ Khởi cũng có [các thừa nhận] tương tự.

Kinh Lượng Tông thừa nhận rằng bất kỳ tâm thức nào là hiện tiền nhất thiết là tâm thức không sai loạn, bởi vì họ thừa nhận căn hiện tiền trong dòng tương tục của một người phạm phu chấp trì vào sắc là một tâm thức không sai loạn.

Đó là vì họ thừa nhận rằng sắc là một đối tượng bên ngoài đúng theo cách mà nó trình hiện là một đối tượng đối với một căn hiện tiền trong dòng tương tục của một người phạm phu chấp trì vào sắc.

Kinh Lượng Tông và Duy Thức Tông, cũng như Trung Quán Y Tụ Khởi, thừa nhận rằng các hiện tiền nhất thiết là ly phân biệt, nhưng Trung Quán Ứng Thành không cho như vậy.

Đó là bởi vì có nhiều sự khác biệt trong cách thức thừa nhận [của Trung Quán Ứng Thành]: [Họ] thừa nhận “liễu tri không nhầm lẫn” là định nghĩa của “lượng”; rằng các tái quyết tri nhất thiết là lượng; rằng trong số các hiện lượng có cả các tâm thức phân biệt và vô phân biệt; và vân vân.

Theo *Đại Dương Lý Luận* của ngài Kay-drup, luận giải *Chú Giải* của ngài Pháp Xứng về *Thích lượng luận của ngài Trần Na*: “Ở đây [trong Trung Quán Ứng Thành] thì định nghĩa của “lượng” là “không nhầm lẫn”. Định nghĩa như vậy được thừa nhận phù hợp với lượng được ấn định như thế nào trong thế tục. Trong thế tục, không có việc phân biệt sự không nhầm lẫn *mới mẻ*, mà là không nhầm lẫn nói chung được ấn định như là một lượng và vì vậy nó rõ ràng ngay cả các tái quyết tri mà các tâm thức đó được đưa ra bởi các hiện lượng vô phân biệt được thừa nhận là lượng. Do điều này nên có các hiện lượng ngay cả trong số các lượng phân biệt.”

Thứ tự của bốn hiện tiền phải đúng như nó là, bởi vì trong *Trang Hoàng cho Lý Luận Giá Trị: Ý Nghĩa Tổng Quát của “Chú giải (của ngài Pháp Xứng) về Thích Lượng Luận (của ngài Trần Na)”* của ngài Gen-dun-drup có nói, “Thứ tự của bốn tâm hiện tiền theo cách xác định nào? [Trả lời]: Bởi vì du già hiện tiền chỉ có trong dòng tương tục của các Bạc Thánh (hàng Thượng Căn), nên chúng được biểu thị cuối cùng; bởi vì ba tâm thức [hiện tiền] kia có trong dòng tương tục của cả những người phạm phu và các hàng Thượng Căn, nên được biểu thị đầu tiên. Hơn nữa, trong số [ba tâm thức đầu tiên] đó, thì hai liễu tri kia được biểu thị đầu tiên bởi vì chúng là đối tượng của trải nghiệm; do tâm tự chứng trải nghiệm của cả hai loại này, nên được biểu thị cuối cùng. Ngoài ra, giữa [hai loại đầu tiên], thì căn hiện tiền được biểu thị trước bởi vì chúng là những nguyên nhân [của ý hiện tiền] và ý hiện tiền được biểu thị sau bởi vì chúng là quả.”

III. Âm thanh nói ra/diễn đạt

Về loại thứ ba, âm thanh nói ra, có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa cái gì sở hữu là một **âm thanh nói ra** là:

một đối tượng của sự nghe (sở văn) làm cho hiểu được đối tượng nói ra (sở thuyết) của chính nó nhờ vào lực của danh pháp (sự đặt tên).

Phân loại

Khi phân chia theo bản chất (thực thể), thì có ba:

- (1) danh,
- (2) cú, và
- (3) tự.

(1) Danh

Về loại đầu tiên, [danh], có hai phần: (1) định nghĩa và (2) phân loại.

Định nghĩa

Đầu tiên, định nghĩa của cái gì sở hữu là **danh** là:

sở văn làm cho hiểu ý nghĩa của chính nó.

Phân loại

Khi phân chia các loại này, thì có hai loại:

- (1) thực danh và
- (2) giả danh.

Định nghĩa của **thực danh của một đối tượng nào đó** là:

danh được quan sát như là cộng xứ của:

- là tên đầu tiên được đặt một cách độc quyền cho đối tượng đó và
- là tên chính của đối tượng đó.

Định nghĩa của **giả danh của một đối tượng nào đó** là:

danh được quan sát như là cộng xứ của:

- là tên đặt sau đó cho đối tượng đó
- là tên thứ hai của đối tượng đó.

Ví dụ minh họa một thực danh là lời nói gọi vua của các quái vật là “sư tử” (lion).

Khi phân chia giả danh, thì có hai:

- (1) giả danh dùng sự tương đồng làm lý do và
- (2) giả danh dùng sự tương quan làm lý do.

Ví dụ minh họa của cái đầu tiên [giả danh dùng sự tương đồng làm lý do] là tên gọi con trai của một người bà la môn có miệng to, mũi tẹt và hếch là sư tử; đó là vì trong *Chú giải* của ngài Pháp Xứng về *Tập Thích Lượng Luận* (của ngài Trần Na), có nói, “Gọi con của một người bà la môn là ‘sư tử’ vì trong thế giới sư tử cũng là như vậy.”

Về cái thứ hai, [giả danh dùng sự tương quan làm lý do], thì có hai loại:

- (1) giả danh dùng sự tương quan nhân quả làm lý do và
- (2) giả danh dùng sự tương quan về bản chất làm lý do.

Về loại thứ nhất, [giả danh dùng sự tương quan nhân quả làm lý do,] thì có hai:

- (1) giả danh trong đó tên của nhân được đặt cho quả và
- (2) giả danh trong đó tên của quả được đặt cho nhân.

Ví dụ minh họa loại đầu tiên [giả danh trong đó tên của nhân được đặt cho quả] là lời nói gọi ánh sáng mặt trời.

Ví dụ minh họa loại thứ hai [giả danh trong đó tên của quả được đặt cho nhân] là lời nói gọi một phát biểu chứng minh đúng đắn là một tỷ độ.

Ví dụ minh họa loại thứ hai, giả danh dùng sự tương quan về bản chất làm lý do là lời nói gọi tua của miếng vải bị cháy là miếng vải bị cháy.

(2) Cú

Về loại thứ hai [của phân chia âm thanh nói ra làm ba], định nghĩa của **cú** là:

sở văn chỉ ra [ý nghĩa] bằng cách kết hợp cơ sở và thuộc tính.

Ví dụ minh họa [của một cú] là “Ô, các sản phẩm là vô thường, phụ thuộc vào sự chế tạo và sự phân rã.”

(3) Tự

Về loại thứ ba [của phân chia âm thanh nói ra làm ba] định nghĩa của một **tự** là:

sự phát âm mà đó là cơ sở tạo ra hai, danh và cú.

Ví dụ minh họa [của tự] là ba mươi ký tự, ka, và tương tự vân vân.

Về mặt thuật ngữ, khi phân chia âm thanh nói ra, thì có hai:

- (1) âm thanh thuyết loại (âm thanh nói về các loại) và
- (2) âm thanh thuyết tự (âm thanh nói về sự tự hợp).

Đối với sự khác nhau giữa âm thanh thuyết loại và âm thanh thuyết tự, có bốn khả năng:

- (1) cái gì đó là một âm thanh thuyết loại nhưng không phải là âm thanh thuyết tự,

- (2) cái gì đó là một âm thanh thuyết tụng nhưng không phải là âm thanh thuyết loại,
- (3) cái gì đó là cả hai loại âm thanh này, và
- (4) cái gì đó không phải là cả hai loại âm thanh này.

Có khả năng thứ nhất bởi vì âm thanh nói “đối tượng của tri thức” là âm thanh thuyết loại không phải là âm thanh thuyết tụng.

Lý do đầu tiên [nghĩa là âm thanh nói “đối tượng của tri thức” là âm thanh thuyết loại] đã được thành lập.

Có khả năng thứ hai [âm thanh thuyết tụng nhưng không phải là âm thanh thuyết loại] bởi vì âm thanh nói “hai cái, cột và bình” là âm thanh thuyết tụng nhưng không phải là âm thanh thuyết loại.

Có khả năng thứ ba [cả hai là âm thanh thuyết tụng và âm thanh thuyết loại] bởi vì âm thanh nói cái bình là cả hai loại này.

Có khả năng thứ tư [cái gì đó không phải là là âm thanh thuyết tụng cũng không phải là âm thanh thuyết loại] bởi vì âm thanh nói “hai, hiện tượng thường hằng và sự vật” đều không phải là hai loại này.

Từ vài lời giảng giải về
Tri giác và tri kiến, làm sáng tỏ
Các chủ đề vô hạn của liễu tri và các đối tượng được tri nhận,
Cầu cho các đại lý đạo được tăng trưởng.

Nguyện cho mọi sự đều tốt lành

Mọi sai sót của bản Việt ngữ là hoàn toàn do lỗi của người dịch, xin trân trọng cảm ơn mọi góp ý và phê bình của tất cả người đọc.